

Bản án số: 98/2020/HS-ST
Ngày 29-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Mạnh.

Bà Nguyễn Thị Lương.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Bích Thủy, Thư ký Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 91/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Quàng Văn T, sinh ngày 05 tháng 9 năm 1987 tại tỉnh Sơn La; đăng kí thường trú: xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La; nơi đang sinh sống: xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quàng Văn G và bà Quàng Thị Q; có vợ và có 02 con; nhân thân: Bản án số 39/2016/HSST ngày 13/8/2010 của TAND huyện Q, tỉnh Sơn La xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích), tiền sự: Không, 02 tiền án: Bản án số 19/2016/HSST ngày 02/3/2016 của TAND huyện Q, tỉnh Sơn La xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, Bản án số 26/2017/HSST ngày 25/12/2017 của TAND huyện T, tỉnh Sơn La xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; bị bắt tạm giam ngày 30/5/2020; có mặt.

Bị hại: Ông Nguyễn Trí Tr, sinh năm 1967, thường trú: xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quàng Văn T làm thuê tại xưởng đá của ông Nguyễn Trí Tr ở địa chỉ Thôn 8, xã Hòa Bình, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nhưng T đã nghỉ việc từ ngày 25/5/2020. Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 29/5/2020, T đi xe đạp đến xưởng đá. Thấy trong xưởng không có ai, T đã lên vào cửa xưởng đá và lấy một số tài sản gồm: 01 chiếc máy cắt cầm tay nhãn hiệu Maktet, 01 chiếc máy hàn nhãn hiệu HK 200Z, 01 chiếc mô tơ điện nhãn hiệu Thiên Long Thuận Yên, 01 chiếc bếp từ nhãn hiệu Blue Stone ICB. T dùng xe đạp của mình chở những tài sản này đi bán để lấy tiền và mua ma túy. Khi đi đến khu vực thôn Núi 1, xã Thủy Đường, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng thì bị Công an xã Thủy Đường, huyện Thủy Nguyên phát hiện, bắt giữ và thu giữ những tài sản trên cùng xe đạp của T.

Kết quả định giá những tài sản mà T đã lấy như sau: 01 chiếc máy cắt cầm tay nhãn hiệu Maktet trị giá 500.000 đồng, 01 chiếc máy hàn nhãn hiệu HK 200Z trị giá 800.000 đồng, 01 chiếc mô tơ điện nhãn hiệu Thiên Long Thuận Yên trị giá 2.000.000 đồng, 01 chiếc bếp từ nhãn hiệu Blue Stone ICB trị giá 200.000 đồng. Tổng giá trị tài sản T lấy của ông Tr là 3.500.000 đồng (theo Kết luận định giá tài sản số 43/HĐĐGTS ngày 30/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thủy Nguyên).

Những tài sản trên đã được Cơ quan điều tra trả lại cho ông Nguyễn Trí Tr.

Chiếc xe đạp của T đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng quản lý chờ quyết định của Tòa án.

Ông Nguyễn Trí Tr đã nhận lại toàn bộ tài sản và không yêu cầu T bồi thường dân sự. Ông Tr không có ý kiến về việc đề nghị xử lý bị cáo Quàng Văn T.

Cáo trạng số 96/CT-VKS ngày 14/9/2020, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên truy tố Quàng Văn T về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản cáo trạng về tội danh và khung hình phạt đối với bị cáo Quàng Văn T. Kiểm sát viên đánh giá bị cáo T có nhân thân xấu; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Quàng Văn T từ 36 tháng đến 42 tháng tù, không phạt tiền bổ sung vì bị cáo không có tài sản và không có thu nhập; đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu nộp ngân sách nhà nước chiếc xe đạp của T đã dùng để chở tài sản trộm cắp đi tiêu thụ; đề nghị áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Quảng Văn T nhận tội, đồng ý với cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đúng với hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo nghiện ma túy và cần có tiền để tiêu xài nên một mình bị cáo đã lấy trộm tài sản, không liên quan đến người khác; bị cáo rất hối hận và mong Hội đồng xét xử khoan hồng xử phạt bị cáo ở mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo cải tạo để sớm tái hòa nhập xã hội, làm lại cuộc đời giúp đỡ gia đình.

Căn cứ quá trình tranh tụng, các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Thủy Nguyên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên và người tiến hành tố tụng thuộc các cơ quan này trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội phạm mà Viện Kiểm sát truy tố đối với bị cáo Quảng Văn T

Bị cáo Quảng Văn T không có việc làm nhưng lại muốn có tiền tiêu xài và mua ma túy để sử dụng. Trước đây bị cáo làm việc tại xưởng đá của ông Nguyễn Trí Chung nên biết nơi cất giữ dụng cụ cũng như không có người trực đêm tại xưởng đá xưởng đá. Đêm tối ngày 29/5/2020, lợi dụng không có người trông nom, bị cáo đã vào xưởng đá và lấy 01 chiếc máy cắt cầm tay nhãn hiệu Maktet, 01 chiếc máy hàn nhãn hiệu HK 200Z, 01 chiếc mô tơ điện nhãn hiệu Thiên Long Thuận Yên, 01 chiếc bếp từ nhãn hiệu Blue Stone ICB. Bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật. Nhưng vì thấy việc sơ hở của chủ tài sản sẽ dễ lấy và bán tài sản có tiền tiêu xài nên bị cáo vẫn thực hiện. Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác đồng thời gây mất an ninh, trật tự. Với tổng trị giá các tài sản mà bị cáo chiếm đoạt được là 3.500.000 đồng, nên bị cáo đã phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Trước lần phạm tội này, bị cáo T còn 02 tiền án, cụ thể:

Bản án số 19/2016/HSST ngày 02/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La xử phạt Quảng Văn T về tội Trộm cắp tài sản, trị giá 6.320.000 đồng; về hình phạt 09 tháng tù, bị cáo chấp hành xong ngày 16/8/2016; số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm được bị cáo nộp ngày 02/3/2016. Tính đến ngày 20/9/2017 (ngày mà bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội tiếp theo và đã bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật) thì bị cáo chưa đủ thời gian để được xóa án tích theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 70, Điều 73 của Bộ luật Hình sự.

Bản án số 26/2017/HSST ngày 15/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xử phạt Quảng Văn T về tội Trộm cắp tài sản, trị giá 20.600.000 đồng; về hình phạt 18 tháng tù, bị cáo chấp hành xong ngày 28/01/2019; số tiền 500.000 đồng án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm được bị cáo nộp ngày 27/3/2018; về việc bồi thường số tiền 2.500.000 đồng bị cáo chưa thi hành. Do đó, bị cáo chưa đủ điều kiện để được xóa án tích theo quy định tại khoản 2 Điều 70, Điều 73 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Quảng Văn T đã tái phạm tại bản án số 26/2017/HSST ngày 15/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La và chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo T được coi là tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 của Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên truy tố Quảng Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 là đúng.

Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng... , thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: ...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm: ...

g) Tái phạm nguy hiểm.”

[3] Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo phạm tội

Hiện nay, nạn trộm cắp có dấu hiệu gia tăng và có diễn biến phức tạp gây khó khăn cho các lực lượng trực tiếp đấu tranh chống loại tội phạm này. Hậu quả của loại tội phạm này là gây mất an ninh trật tự, xáo trộn cuộc sống bình yên, gây bất an, lo lắng trong cộng đồng dân cư. Trong vụ án, bị cáo Quảng Văn T phạm tội với tình tiết định khung hình phạt tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự nên cần phải buộc bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng, bị cáo Quảng Văn T phạm tội nhưng không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ

Quá trình từ khi bị khởi tố, điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Quảng Văn T đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tổng trị giá tài sản mà bị cáo trộm cắp là 3.500.000 đồng. Tuy nhiên, bị cáo bị phát hiện, bắt giữ ngay sau đó nên số tài sản đã được trả lại ngay cho chủ sở hữu nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân

Trước 02 tiền án chưa được xóa là Bản án số 19/2016/HSST ngày 02/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Nai, tỉnh Sơn La và Bản án số 26/2017/HSST ngày 15/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La thì bị cáo Quảng Văn T cũng đã bị Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Nai, tỉnh Sơn La xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, trị giá 4.000.000 đồng tại Bản án số 39/2010/HSST ngày 13/8/2010. Về việc thi hành bản án này, hình phạt 12 tháng tù, bị cáo chấp hành xong ngày 09/3/2011; số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 150.000 đồng bị truy thu được bị cáo nộp ngày 20/9/2010. Tiền án này bị cáo được đương nhiên xóa án tích ngày 09/3/2015 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 64, Điều 67 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Mặc dù bị cáo đã được xóa án tích này nhưng bị cáo đã nhiều lần phạm tội và có án tích. Bản thân bị cáo ngoan ma túy nhưng không từ bỏ và rèn luyện bản thân. Qua đó, đánh giá bị cáo có nhân thân xấu.

Cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét mức hình phạt chính mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo Quảng Văn T cũng như việc không áp dụng hình phạt tiền bổ sung do bị cáo không có thu nhập và không có tài sản riêng là phù hợp, đảm bảo trừng trị và giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới; giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[4] Về trách nhiệm dân sự

Ông Nguyễn Trí Chung là bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản mà bị cáo đã trộm cắp và không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về xử lý vật chứng

Bị cáo Quảng Văn T sử dụng chiếc xe đạp mini của mình để đến xưởng đá và chở tài sản trộm cắp đi tiêu thụ. Chiếc xe đạp này vẫn còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

[6] Về nghĩa vụ trả án phí

Bị cáo Quảng Văn T bị kết án nên phải trả án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Phạt bị cáo Quảng Văn T 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/5/2019.

- Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc xe đạp mini màu sơn xanh của bị cáo Quảng Văn T (theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên).

- Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/ 2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án,

Bị cáo Quảng Văn T phải trả 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Quảng Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại là ông Nguyễn Trí Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND; VKSND TP. Hải Phòng;
- Công an TP. Hải Phòng (PV06)
- Sở Tư pháp TP. Hải Phòng
- CA, VKSND H. Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quốc Phương